



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn
sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 3500701305

ngày 1 tháng 11 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3500701305 ngày 12 tháng 5 năm 2016. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Huỳnh Lin
Ông Nguyễn Tiến Dũng
Ông Lê Thế Sơn
Ông Phạm Quốc Thái

Chủ tịch
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
(đến ngày 20 tháng 4 năm 2018)
Ủy viên
(từ ngày 20 tháng 4 năm 2018)
Ủy viên
(từ ngày 1 tháng 2 năm 2018)

Ông Đoàn Ngọc Nhân

Ông Châu Thanh Cần

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Tiến Dũng
Ông Lê Văn Huy
Ông Đoàn Ngọc Nhân

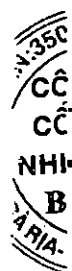
Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 2 tháng 5 năm 2018)

Trụ sở đăng ký

Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương
Thành phố Bà Rịa
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Tuyên bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc về báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính giữa niên độ cho mỗi giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ. Khi lập các báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn các nguyên tắc kế toán phù hợp và áp dụng các nguyên tắc này một cách thích hợp;
- Đưa ra đánh giá và ước tính hợp lý và thận trọng;
- Tuyên bố việc tuân thủ các nguyên tắc kế toán, trừ những ngoại lệ đã được thuyết minh và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- Lập các báo cáo tài chính giữa niên độ theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định này không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận Công ty đã tuân theo những yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sự đúng đắn của việc ghi chép sổ sách kế toán của Công ty và những sổ sách này cung cấp một cách tương đối chính xác thông tin tài chính của Công ty tại mọi thời điểm. Ban Tổng Giám đốc cũng có trách nhiệm bảo vệ tài sản của Công ty và do đó có trách nhiệm thực hiện các bước hợp lý nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và bất thường.

Phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm, báo cáo tài chính giữa niên độ này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phạm mắt Ban Tổng Giám đốc

Đoàn Ngọc Nhân
Phó Tổng Giám đốc

(Ký theo ủy quyền của Tổng Giám đốc)

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 13 tháng 8 năm 2018



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 13 tháng 8 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 37.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

305
TY
ÂN
NIÊN
ĐỘ
IA
AVUN



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 18-01-330

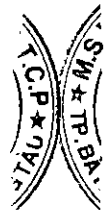



Nelson Rodriguez Casihan

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2018

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.218.944.521.861	2.368.866.159.421
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	368.481.477.572	326.483.621.660
Tiền	111		6.981.477.572	1.483.621.660
Các khoản tương đương tiền	112		361.500.000.000	325.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		561.320.000.000	552.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	561.320.000.000	552.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		125.718.913.439	1.323.258.703.562
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	105.698.678.704	1.248.251.778.846
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		159.058.036	716.675.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	20.222.375.298	74.651.448.315
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(361.198.599)	(361.198.599)
Hàng tồn kho	140	9	143.122.869.446	148.961.187.031
Hàng tồn kho	141		143.122.869.446	148.961.187.031
Tài sản ngắn hạn khác	150		20.301.261.404	18.162.647.168
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		119.414.257	420.033.371
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	15(b)	19.302.893.534	15.115.126.323
Thuế thu nhập cá nhân	153	15(b)	878.953.613	2.627.487.474

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC,
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		607.128.663.130	605.619.999.084
Tài sản cố định	220		251.223.208.795	198.756.587.212
Tài sản cố định hữu hình	221	10	251.156.669.907	198.756.587.212
Nguyên giá	222		2.607.874.004.933	2.540.687.172.031
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.356.717.335.026)	(2.341.930.584.819)
Tài sản cố định vô hình	227	11	66.538.888	-
Nguyên giá	228		3.959.064.839	3.889.064.839
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.892.525.951)	(3.889.064.839)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.294.432.246	64.771.181.148
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	1.294.432.246	64.771.181.148
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	353.767.663.920	327.336.281.400
Đầu tư vào công ty liên kết	252		83.750.000.000	83.750.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		273.500.927.800	273.500.927.800
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.483.263.880)	(29.914.646.400)
Tài sản dài hạn khác	260		843.358.169	14.755.949.324
Chi phí trả trước dài hạn	261		843.358.169	875.985.150
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	13	-	13.879.964.174
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.826.073.184.991	2.974.486.158.505

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

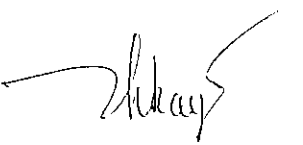
Mẫu B 01a – DN

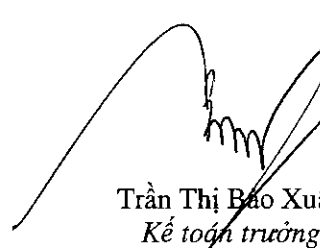
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		663.097.906.114	1.852.930.873.478
Nợ ngắn hạn	310		213.219.047.749	1.359.046.201.093
Phải trả người bán	311	14	21.776.134.466	1.181.945.880.951
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	15(a)	7.915.414.582	17.032.695.915
Phải trả người lao động	314		196.376.000	21.272.618.679
Chi phí phải trả	315	16	50.067.337.222	1.693.385.381
Phải trả khác	319	17	4.891.191.058	6.939.181.985
Vay ngắn hạn	320	18(a)	52.926.924.538	54.876.074.734
Dự phòng phải trả	321	19	65.584.790.298	69.399.820.871
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	9.860.879.585	5.886.542.577
Nợ dài hạn	330		449.878.858.365	493.884.672.385
Vay dài hạn	338	18(b)	449.878.858.365	493.884.672.385
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.162.975.278.877	1.121.555.285.027
Vốn chủ sở hữu	410	21	1.162.975.278.877	1.121.555.285.027
Vốn cổ phần	411	22	604.856.000.000	604.856.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		7.560.228.689	7.560.228.689
Quỹ đầu tư và phát triển	418		121.294.978.514	107.472.531.553
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		20.035.100.608	20.035.100.608
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		409.228.971.066	381.631.424.177
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		293.214.021.937	289.481.777.771
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		116.014.949.129	92.149.646.406
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.826.073.184.991	2.974.486.158.505

Ngày 13 tháng 8 năm 2018

Người lập:


 Huỳnh Thị Huyền Trang
 Kế toán tổng hợp


 Trần Thị Bảo Xuân
 Kế toán trưởng

Người duyệt:




 Nguyễn Ngọc Nhân
 Phó Tổng Giám đốc
 (Ký theo ủy quyền
 của Tổng Giám đốc)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

			Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
			30/6/2018	30/6/2017
			VND	VND
Mã số	Thuyết minh			
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	789.663.989.557	385.113.010.890
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	696.874.430.186	404.120.143.393
Lợi nhuận/(lỗ) gộp (20 = 01 - 11)	20		92.789.559.371	(19.007.132.503)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	48.271.468.752	52.642.228.536
Chi phí tài chính	22	28	(16.704.295.586)	37.287.571.130
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.478.503.276	6.638.720.599
Chi phí bán hàng	25		19.703.831	18.529.649
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	13.665.958.334	13.571.273.072
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		144.079.661.544	(17.242.277.818)
Thu nhập khác	31		125.883.038	1.206.952
Chi phí khác	32		-	3.835.085
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		125.883.038	(2.628.133)
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		144.205.544.582	(17.244.905.951)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	14.310.631.279	-
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	31	13.879.964.174	-
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		116.014.949.129	(17.244.905.951)
Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu				
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	32	1.918	(285)

Ngày 13 tháng 8 năm 2018

Người lập:

Huỳnh Thị Huyền Trang
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Trần Thị Bảo Xuân
 Kế toán trưởng



Đoàn Ngọc Nhân
 Phó Tổng Giám đốc
 (Ký theo ủy quyền
 của Tổng Giám đốc)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	01		144.205.544.582	(17.244.905.951)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		14.790.211.319	11.833.661.636
Các khoản dự phòng	03		9.694.832.092	(9.483.652.197)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(19.828.854.865)	25.451.403.505
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(25.194.030.229)	(38.535.878.730)
Chi phí lãi vay	06		6.478.503.276	6.638.720.599
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		130.146.206.175	(21.340.651.138)
Biến động các khoản phải thu	09		1.176.403.151.166	128.751.777.375
Biến động hàng tồn kho	10		5.838.317.585	(45.441.161.291)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(1.135.403.300.834)	71.073.437.346
Biến động chi phí trả trước.	12		333.246.095	318.941.598
			177.317.620.187	133.362.343.890
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.594.085.471)	(6.627.140.649)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(23.427.912.612)	(20.302.328.224)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(50.066.620.677)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		97.229.001.427	106.432.875.017
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.780.084.000)	(32.110.867.177)
Tiền chi đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	23		(321.320.000.000)	(392.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	24		312.000.000.000	390.500.000.000
Tiền thu lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		43.891.435.836	31.743.137.064
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		30.791.351.836	(1.867.730.113)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

350
 CỔ
 CỔ
 NHIỆT
 BÀ
 RI-Đ.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
		30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	211.000.000.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	(237.126.109.351)	(24.389.366.548)
Tiền trả cổ tức	36	(59.896.388.000)	(160.540.160)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(86.022.497.351)	(24.549.906.708)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	41.997.855.912	80.015.238.196
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	326.483.621.660	216.843.435.731
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70 5	368.481.477.572	296.858.673.927

Ngày 13 tháng 8 năm 2018

Người lập:


 Huỳnh Thị Huyền Trang
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


 Trần Thị Bảo Xuân
 Kế toán trưởng




 Đoàn Ngọc Nhân
 Phó Tổng Giám đốc
 (Ký theo ủy quyền
 của Tổng Giám đốc)

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý vận hành sửa chữa bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, công trình điện; sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có 281 nhân viên (1/1/2018: 283 nhân viên).

30S
TY
N
IEN
LA
WUNG

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chứng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa và vật kiến trúc	6 – 50 năm
▪ Máy móc và thiết bị	6 – 20 năm
▪ Phương tiện vận tải	6 – 15 năm
▪ Dụng cụ quản lý	3 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng là 10 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

7013
IG T
PHÂN
T Đ
RI
BÀ RI

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu tiêu thụ điện

Doanh thu tiêu thụ điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(n) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Lãi trên cổ phiếu (EPS)

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

Trong kỳ Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(p) Báo cáo bộ phận

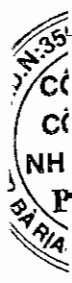
Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Báo cáo bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất kinh doanh điện năng và một bộ phận địa lý là Việt Nam.



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Tiền mặt	228.655.530	106.372.377
Tiền gửi ngân hàng	6.752.822.042	1.377.249.283
Các khoản tương đương tiền	361.500.000.000	325.000.000.000
	368.481.477.572	326.483.621.660

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 1 tháng đến dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP An Bình và hưởng lãi suất từ 4,7% tới 5,4%/năm (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017: từ 4,8% tới 5,2%/năm).

6. Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	30/6/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	561.320.000.000	561.320.000.000	502.000.000.000	502.000.000.000
▪ Tiền gửi có kỳ hạn tại Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
	561.320.000.000	561.320.000.000	552.000.000.000	552.000.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng tại các ngân hàng và hưởng lãi suất từ 6,5% tới 7,2%/năm (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017: từ 5,8% tới 7,1%/năm).

Tại ngày báo cáo, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2018					1/1/2018				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên kết										
Công ty cổ phần thủy điện Buôn Đôn (**)	25%	25%	83.750.000.000	-	(*)	25%	25%	83.750.000.000	-	(*)
Đầu tư vào đơn vị khác										
Công ty cổ phần nhiệt điện Hải Phòng	2,1%	2%	108.730.000.000	2.130.000.000	106.600.000.000	2%	2%	108.730.000.000	-	123.300.000.000
Công ty cổ phần nhiệt điện Quảng Ninh	2,5%	2,3%	114.770.927.800	1.353.263.880	113.417.663.920	2,3%	2,3%	114.770.927.800	29.914.646.400	84.856.281.400
Công ty cổ phần Phú Thạnh Mỹ	8,09%	8,09%	50.000.000.000	-	(*)	8,09%	8,09%	50.000.000.000	-	(*)
			273.500.927.800	3.483.263.880				273.500.927.800	29.914.646.400	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày báo cáo do không có sẵn thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư này.

(**) Công ty cổ phần Thủy Điện Buôn Đôn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 6000884487 ngày 20 tháng 5 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty cổ phần thủy điện Buôn Đôn là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, sản xuất và kinh doanh điện năng.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động trong kỳ của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	29.914.646.400	42.716.257.907
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(26.431.382.520)	(9.483.652.197)
Số dư cuối kỳ	3.483.263.880	33.232.605.710

7. Phải thu của khách hàng – ngắn hạn

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty Mua bán điện	104.696.990.505	1.247.143.908.447
Bên thứ ba		
Các khách hàng khác	1.001.688.199	1.107.870.399
	105.698.678.704	1.248.251.778.846

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và thu được trong vòng 15 ngày làm việc kể từ thời điểm bên liên quan nhận được hóa đơn thanh toán hợp lệ và chính xác.

8. Phải thu ngắn hạn khác

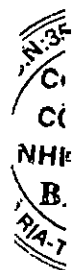
	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	16.482.020.781	24.723.238.888
Cổ tức phải thu	3.802.250.000	14.258.437.500
Các khoản phải thu khác	(61.895.483)	35.669.771.927
	20.222.375.298	74.651.448.315

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Nhiên liệu và vật tư	140.796.216.458	148.689.737.108
Công cụ và dụng cụ	834.790.808	198.933.350
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.468.962.815	34.730.000
Thành phẩm	22.899.365	37.786.573
	143.122.869.446	148.961.187.031



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	93.154.114.527	2.373.286.226.883	31.277.137.092	42.969.693.529	2.540.687.172.031
Tăng trong kỳ	-	-	2.545.454.545	47.500.000	2.592.954.545
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	6.037.560.357	57.956.318.000	-	600.000.000	64.593.878.357
Số dư cuối kỳ	99.191.674.884	2.431.242.544.883	33.822.591.637	43.617.193.529	2.607.874.004.933
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	65.999.820.124	2.206.872.487.690	28.252.623.880	40.805.653.125	2.341.930.584.819
Khấu hao trong kỳ	1.635.932.166	12.470.543.625	351.007.230	329.267.186	14.786.750.207
Số dư cuối kỳ	67.635.752.290	2.219.343.031.315	28.603.631.110	41.134.920.311	2.356.717.335.026
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	27.154.294.403	166.413.739.193	3.024.513.212	2.164.040.404	198.756.587.212
Số dư cuối kỳ	31.555.922.594	211.899.513.568	5.218.960.527	2.482.273.218	251.156.669.907

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 2.258.806.086.372 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 2.257.688.283.885 VND).

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	3.011.117.583	877.947.256	3.889.064.839
Tăng trong kỳ	-	70.000.000	70.000.000
Số dư cuối kỳ	3.011.117.583	947.947.256	3.959.064.839
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	3.011.117.583	877.947.256	3.889.064.839
Khấu hao trong kỳ	-	3.461.112	3.461.112
Số dư cuối kỳ	3.011.117.583	881.408.368	3.892.525.951
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	66.538.888	66.538.888

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 3.889.064.839 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 3.889.064.839 VND).

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Số dư đầu kỳ	64.771.181.148	18.648.769.392
Tăng trong kỳ	1.117.129.455	26.797.607.728
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(64.593.878.357)	-
Số dư cuối kỳ	1.294.432.246	45.446.377.120

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Hệ thống điều khiển tổ máy tuabin hơi	-	32.141.000.000
Sửa chữa lớn tài sản cố định hữu hình	-	31.304.385.261
Xây dựng cơ bản khác	1.294.432.246	1.325.795.887
	<u>1.294.432.246</u>	<u>64.771.181.148</u>

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Dự phòng phải trả	20%	-	13.879.964.174

14. Phải trả người bán

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Bên liên quan		
Tập đoàn điện lực Việt Nam EVN, công ty mẹ cấp cao nhất	1.363.975.496	362.080.222
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Dầu Khí Vũng Tàu	10.511.935.665	6.079.393.320
Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ	4.105.412.391	1.126.367.411.677
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Thanh An	141.638.409	43.746.132.443
Công ty TNHH Giải Pháp Lưu Lượng Tam Phúc	2.800.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	2.853.172.505	5.390.863.289
	<u>21.776.134.466</u>	<u>1.181.945.880.951</u>
 Số có khả năng trả nợ	 <u>21.776.134.466</u>	 <u>1.181.945.880.951</u>

Khoản phải trả thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

15. Thuế phải nộp và phải thu Ngân sách Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Cần trừ VND	30/6/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	145.908.166.699	(34.710.130.773)	(111.198.035.926)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.032.695.915	14.310.631.279	(23.427.912.612)	-	7.915.414.582
	17.032.695.915	160.218.797.978	(58.138.043.385)	(111.198.035.926)	7.915.414.582

(b) Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phải thu trong kỳ VND	Số phải thu trong kỳ VND	Cần trừ VND	30/6/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	15.115.126.323	115.385.803.137	-	(111.198.035.926)	19.302.893.534
Thuế thu nhập cá nhân	2.627.487.474	(2.852.407.080)	1.103.873.219	-	878.953.613
	17.742.613.797	112.533.396.057	1.103.873.219	(111.198.035.926)	20.181.847.147

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí phải trả

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Chi phí lãi vay	1.577.803.186	1.693.385.381
Chi phí phải trả khí đã sử dụng	48.489.534.036	-
	50.067.337.222	1.693.385.381

17. Phải trả khác

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	4.324.147.870	3.734.935.870
Các khoản phải trả khác	567.043.188	3.204.246.115
	4.891.191.058	6.939.181.985

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

18. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2018		Biến động trong kỳ			30/6/2018	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch đánh giá lại tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	-	-	211.000.000.000	(211.000.000.000)	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	54.876.074.734	54.876.074.734	26.463.462.269	(26.126.109.351)	(2.286.503.114)	52.926.924.538	52.926.924.538
	54.876.074.734	54.876.074.734	237.463.462.269	(237.126.109.351)	(2.286.503.114)	52.926.924.538	52.926.924.538

(b) Vay dài hạn

	1/1/2018		Biến động trong kỳ			30/6/2018	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch đánh giá lại tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn	493.884.672.385	493.884.672.385	-	(26.463.462.269)	(17.542.351.751)	449.878.858.365	449.878.858.365

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Vay dài hạn	502.805.782.903	548.760.747.119
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(52.926.924.538)	(54.876.074.734)
Hoàn trả sau 12 tháng	449.878.858.365	493.884.672.385

Vay dài hạn Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo hợp đồng cho vay lại số 2015/EVN-BARIA/EDCF ngày 1/9/2015, kế thừa từ hợp đồng vay vốn ODA số 21/TNDN ngày 20/12/2004 giữa Chi Nhánh Quỹ Hỗ Trợ Phát Triển Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Chi Nhánh Ngân Hàng Phát Triển Bà Rịa – Vũng Tàu) và Nhà Máy Điện Bà Rịa (nay là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa) với tổng mức nợ vay là 49.978.210.130 Won. Khoản vay này từ nguồn vốn vay quỹ hợp tác phát triển kinh tế Hàn Quốc – EDCF cho mục đích thực hiện dự án Đuôi Hơi 306-2 Nhà Máy Điện Bà Rịa. Thời hạn cho vay lại là 13 năm với lãi suất 2,4%/năm.

Số dư của khoản vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 tương đương 23.739.649.806,5 Won sẽ được hoàn trả dần đều trong 19 kỳ nửa năm với số tiền phải thanh toán mỗi kỳ là 1.249.455.253,5 Won và lần thanh toán cuối cùng của số dư còn lại là 1.249.455.243,5 Won là ngày 20 tháng 11 năm 2027.

19. Dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả thể hiện số trích lập dự phòng cho việc sửa chữa lớn các tổ máy phát điện sẽ được thực hiện trong kỳ tiếp theo.

Biến động của khoản dự phòng trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	69.399.820.871	63.614.373.786
Trích lập trong kỳ	65.584.790.298	-
Sử dụng trong kỳ	(39.941.245.185)	-
Hoàn nhập trong kỳ	(29.458.575.686)	-
Số dư cuối kỳ	65.584.790.298	63.614.373.786

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	5.886.542.577	4.896.972.054
Trích lập trong kỳ	14.099.712.500	16.375.826.000
Sử dụng trong kỳ	(10.125.375.492)	(8.093.263.491)
Số dư cuối kỳ	9.860.879.585	13.179.534.563

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	604.856.000.000	7.560.228.689	89.496.549.229	20.035.100.608	384.319.186.095	1.106.267.064.621
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(17.244.905.951)	(17.244.905.951)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	17.975.982.324	-	(17.975.982.324)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(16.375.826.000)	(16.375.826.000)
Cổ tức (thuyết minh 23)	-	-	-	-	(60.485.600.000)	(60.485.600.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	604.856.000.000	7.560.228.689	107.472.531.553	20.035.100.608	272.236.871.820	1.012.160.732.670
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	109.394.552.357	109.394.552.357
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	604.856.000.000	7.560.228.689	107.472.531.553	20.035.100.608	381.631.424.177	1.121.555.285.027
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	116.014.949.129	116.014.949.129
Phân bổ vào các quỹ	-	-	13.822.446.961	-	(13.822.446.961)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(14.099.712.500)	(14.099.712.500)
Cổ tức (thuyết minh 23)	-	-	-	-	(60.485.600.000)	(60.485.600.000)
Điều chỉnh khác (i)	-	-	-	-	(9.642.779)	(9.642.779)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	604.856.000.000	7.560.228.689	121.294.978.514	20.035.100.608	409.228.971.066	1.162.975.278.877

- (i) Điều chỉnh khác phản ánh khoản tiền thuế phát sinh thêm trong các năm trước theo biên bản Thanh tra thuế trong năm 2017.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	60.485.600	604.856.000.000	60.485.600	604.856.000.000

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Công ty không có biến động vốn cổ phần trong kỳ.

Các cổ đông của Công ty bao gồm:

	30/6/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
Tổng công ty Phát điện 3	48.123.557	79,56	48.123.557	79,56
Các cổ đông khác	12.362.043	20,44	12.362.043	20,44
	60.485.600	100	60.485.600	100

23. Cổ tức

Vào ngày 20 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 60.485.600.000 VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017: 60.485.600.000 VND).

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.273.866.000	1.273.866.000
Từ hai đến năm năm	5.201.619.500	5.201.619.500
Sau năm năm	41.188.334.000	41.825.267.000
	<u>47.663.819.500</u>	<u>48.300.752.500</u>

Cam kết thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê đất tại Khu phố Hương Giang, Phường Long Hưng, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam trong 50 năm kể từ ngày 9 tháng 5 năm 2005.

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Đã được duyệt và chưa ký kết hợp đồng	-	58.669.975.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	-	81.909.435.610

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Doanh thu tiêu thụ điện	788.282.217.230	384.162.181.154
Doanh thu dịch vụ khác	648.650.000	261.045.454
Doanh thu khác	733.122.327	689.784.282
	<u>789.663.989.557</u>	<u>385.113.010.890</u>

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Giá vốn tiêu thụ điện	696.233.038.789	403.536.117.673
Giá cung cấp dịch vụ khác	31.444.674	8.656.746
Giá vốn khác	609.946.723	575.368.974
	696.874.430.186	404.120.143.393

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi	21.694.030.229	26.835.878.730
Cổ tức được chia	3.500.000.000	11.700.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	23.077.438.523	14.106.349.806
	48.271.468.752	52.642.228.536

28. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	6.478.503.276	6.638.720.599
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.248.583.658	40.132.502.728
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(26.431.382.520)	(9.483.652.197)
	(16.704.295.586)	37.287.571.130

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí nhân công	6.816.983.053	6.209.190.700
Chi phí dịch vụ mua ngoài	791.823.015	808.760.138
Thuê, phí và lệ phí	659.826.926	1.606.269.082
Chi phí khấu hao	821.900.956	583.383.571
Chi phí khác	4.575.424.384	4.363.669.581
	13.665.958.334	13.571.273.072

30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	620.350.045.844	365.525.932.185
Chi phí nhân công	23.995.172.438	25.147.656.895
Chi phí khấu hao	14.790.211.319	11.833.661.636
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.653.480.256	8.491.252.945
Chi phí khác	43.110.087.266	6.711.442.453

31. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	14.310.631.279	-
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	13.879.964.174	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	28.190.595.453	-

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	144.205.544.582	(17.244.905.951)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	28.841.108.916	(3.448.981.190)
Chi phí không được khấu trừ thuế	49.486.537	29.106.617
Thu nhập không chịu thuế	(700.000.000)	(2.340.000.000)
Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho lỗ tính thuế	-	5.759.874.573
	28.190.595.453	-

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền được tính như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông (*)	116.014.949.129	(17.244.905.951)

- (*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo do Đại hội đồng Cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào quỹ này. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2018	30/6/2017
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối kỳ	60.485.600	60.485.600

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và 1 tháng 1 năm 2018, Công ty không có cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng.

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Tập đoàn điện lực Việt Nam EVN		
Lãi vay	6.478.503.276	6.638.720.599
Trả nợ gốc vay	26.126.109.351	24.964.115.965
Mua điện	6.980.553.330	6.658.163.863
Công ty mẹ		
Tổng công ty Phát điện 3		
Cổ tức	48.123.557.000	48.123.557.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Mua bán điện		
Doanh thu tiêu thụ điện	788.282.217.230	384.149.316.469
Lương và thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát		
+ Chủ tịch Hội đồng quản trị (1 người)	396.966.999	117.200.000
+ Tổng giám đốc (1 người)	385.764.598	113.700.000
+ Phó Tổng giám đốc (2 người)	348.169.920	100.481.142
+ Kế toán trưởng (1 người)	242.999.360	91.112.000
+ Thành viên Hội đồng quản trị	132.099.600	37.136.000
+ Ban kiểm soát		
- Thành viên không trực tiếp tham gia SXKD	107.138.640	33.542.000
- Trưởng ban kiểm soát chuyên trách	276.675.521	103.270.858

